

PHIẾU BÀI TẬP: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT HIỆU VÀ TỈ SỐ

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Hiệu của hai số là 156. Tỉ số của hai số là $\frac{5}{2}$. Hai số đó là:

- A. 260 và 104 B. 250 và 94 C. 156 và 60 D. 312 và 156

Câu 2. Cho $a - b = 360$, $a : b = \frac{7}{3}$. Vậy giá trị của a và b là:

- A. $a = 540$, $b = 180$ B. $a = 630$, $b = 270$ C. $a = 420$, $b = 60$ D. $a = 700$, $b = 340$

Câu 3. Thùng thứ nhất ít hơn thùng thứ hai 45 lít dầu. Số dầu thùng I bằng $\frac{4}{9}$ số dầu thùng II. Thùng I có:

- A. 81 lít B. 36 lít C. 40 lít D. 20 lít

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 12m. Tỉ số giữa chiều rộng và chiều dài là $\frac{3}{5}$. Chu vi là:

- A. 48m B. 64m C. 96m D. 30m

Câu 5. Bao gạo nếp nặng hơn bao gạo tẻ 2,4kg. Khối lượng gạo tẻ bằng $\frac{3}{5}$ gạo nếp. Bao gạo tẻ nặng:

- A. 3,6 kg B. 6 kg C. 4,5 kg D. 5,4 kg

Câu 6. Hiệu của hai số là số lớn nhất có hai chữ số. Tỉ số của hai số là $\frac{4}{3}$. Số bé là:

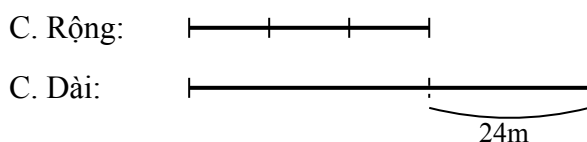
- A. 99 B. 297 C. 396 D. 198

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Hoàn thành bảng sau:

Hiệu của hai số	48	120	144
Tỉ số của hai số	$\frac{5}{3}$	$\frac{3}{8}$	$\frac{7}{11}$
Số lớn			
Số bé			

Bài 2. Một mảnh vườn có chiều dài hơn chiều rộng 24m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Tính diện tích vườn.



Bài 3. Khối lớp 5 của một trường tiểu học có số học sinh nữ ít hơn số học sinh nam là 15 em. Tính số học sinh nam và nữ của khối 5, biết rằng số học sinh nữ bằng $\frac{4}{7}$ số học sinh nam.

Bài 4. Lan có nhiều hơn Hồng 24 quyển vở. Nếu Lan cho Hồng 6 quyển thì số vở của Hồng bằng $\frac{5}{8}$ số vở của Lan. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu quyển vở?

